



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 20 (từ 14/05 – 18/05/2018)



ĐIỂM TIN

Giá Robusta kỳ hạn tuần này giảm 1,69% so với tuần trước

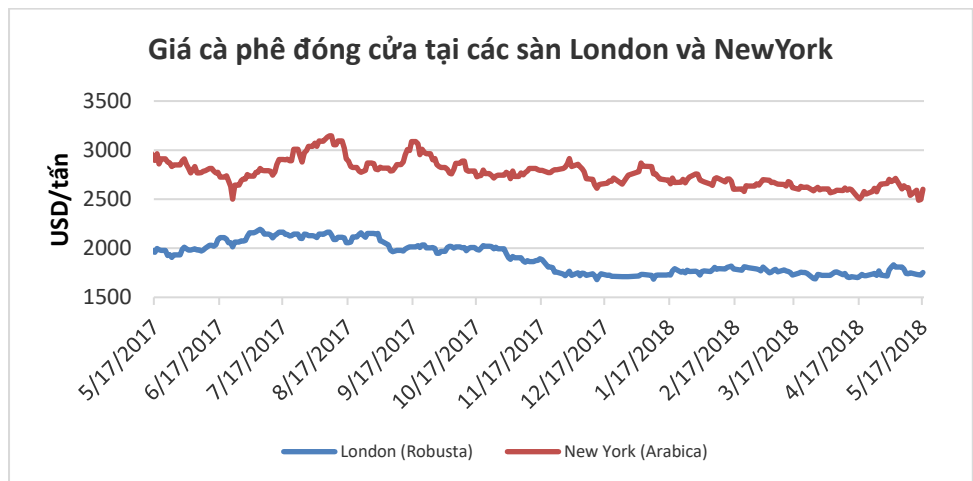
Giá Arabica kỳ hạn tuần này giảm 2,3% so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê trong tháng 4 tại Indonesia giảm 65%

Sản lượng cà phê của Ấn Độ niên vụ này ước giảm 9,82%

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.736,5 USD/tấn, giảm 1,69% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 12,2% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.754 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.727 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.545 USD/tấn, giảm 2,3% so với tuần trước và thấp hơn 13,7% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.601 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.489 USD/tấn [1].



Liên đoàn người trồng cà phê Colombia cho biết, Chính phủ nước này sẽ đầu tư 13,5 triệu USD vào nâng cấp các trang trại cà phê trên cả nước. Nguồn ngân sách này sẽ được dùng cho 50.000 ha diện tích trồng cà phê nhằm thay thế các cây cà phê già cỗi bằng giống cà phê mới chống chịu sâu bệnh và cho năng suất cao hơn [2].

Hiệp hội cà phê xanh Hoa Kỳ (GCA) thông báo, tồn kho cà phê tại các cảng của Hoa Kỳ đến hết tháng 4/2018 đạt 6,73 triệu bao, tăng 2,52% (165.248 bao) so với tháng trước. Theo ước tính, lượng cà phê tồn kho tại Hoa Kỳ sẽ đủ cho tiêu thụ cà phê rang xay toàn khu vực Bắc Mỹ trong 13 tuần nữa [3].

Xuất khẩu cà phê tại Indonesia trong tháng 4/2018 đã giảm tới 65,11% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 66.850 bao. Lũy kế xuất khẩu cà phê Indonesia trong 7 tháng đầu niên vụ cà phê 2017/18 chỉ đạt tổng cộng 809.903 bao, giảm mạnh 68,18% (1.735.206 bao) so với cùng kỳ niên vụ cà phê trước [2].

Ủy ban cà phê Ấn Độ hạ dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2017/18 của nước này xuống còn 5,3 triệu bao, thấp hơn 9,82% so với niên vụ trước do lượng mưa ít và nắng nóng kéo dài trong thời điểm nuôi quả hiện nay. Trong đó, ước tính sản lượng cà phê Robusta sẽ đạt 3,7 triệu bao và Arabica đạt 1,6 triệu bao [2].

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ dự báo sản lượng cà phê niên vụ này sẽ biến động mạnh tại một số nước khu vực Trung – Nam Mỹ. Trong đó, sản lượng cà phê tại Peru đạt 4,3 triệu bao (tăng 4,88%), tại Guatemala đạt 3,3 triệu bao (giảm 1,62%), tại El Salvado đạt 640 nghìn bao (tăng 11,3%) [4].

Theo cơ quan khí tượng thủy văn Somar Meteorologia tại Brazil, dự báo tuần tới sẽ có mưa trên các vùng trồng cà phê chính của Brazil, kết hợp với khối không khí lạnh mùa đông đang di chuyển vào lục địa Nam Mỹ có thể gây ra hiện tượng sương giá gây hại cho quả cà phê (Robusta đang chín rộ và Arabica đang chuẩn bị cho đợt thu hoạch tháng sau), làm ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng hạt cà phê Brazil [8].

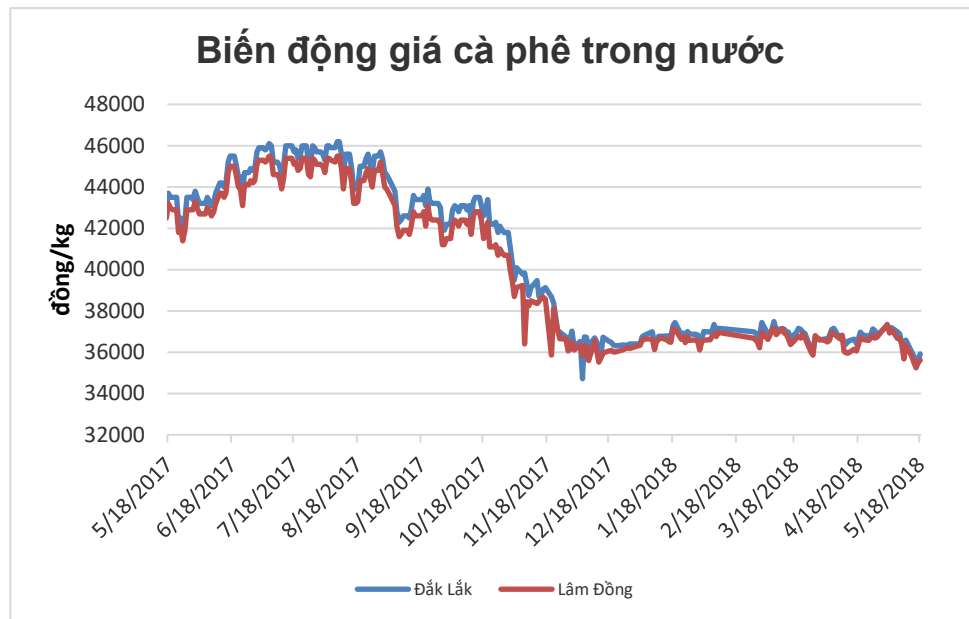


ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm theo xu hướng giá cà phê Robusta trên sàn London

Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Indonesia trong 4 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này giảm so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 35.782 đ/kg, giảm 2,2% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 18,6% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 2,3% đạt 35.528 đ/kg, vẫn thấp hơn 18,3% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này cũng giảm theo xu hướng thị trường thế giới. Giá cà phê xuất khẩu tuần này đạt 1.603 USD/tấn, giảm 2,4% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 20,6% so với cùng kỳ năm 2017 [7].

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê sang Indonesia trong 4 tháng đầu năm 2018 đạt 51 nghìn tấn với kim ngạch thu về trị giá 98 triệu USD, tăng mạnh 12 lần về lượng và 10 lần về giá trị so với cùng kỳ năm trước [7].

Theo tin từ cộng tác viên dự án VnSAT tại Tây Nguyên, các hoạt động mua bán cà phê tại thị trường trong nước tuần này rất ít do giá cà phê giảm quá thấp. Tại một số đại lý, giá thu mua cà phê từ nông dân giảm xuống mức thấp nhất là 35.100 đồng/kg nên các nông dân vẫn muốn tiếp tục giữ hàng chưa muốn bán ra [5].



Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://greencoffeeassociation.org/>
- [4]. <https://scasa.co.za/blogs/market-reports>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>
- [9]. <https://tintaynguyen.com/nong-nghiep/>
- [10]. Reuters



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	35.833	35.467	35.600	35.767	36.320	-861
Ea H'leo (xôvối)	35.967	35.833	35.733	35.700	35.733	-848
Krông Năng (xôvối)	36.033	35.833	35.500	35.567	35.867	-790
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	36.200	35.800	35.933	36.067	36.500	-942
Ea H'leo (xôvối)	36.400	36.200	36.000	36.000	36.100	-910
Krông Năng (xôvối)	36.200	36.000	35.600	35.700	36.000	-800
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.600	35.300	35.100	35.400	35.550	-943
Lâm Hà (xôvối)	35.900	35.600	35.400	35.600	35.800	-707
Đà Lạt (xôchè)	43.000	41.667	40.667	41.167	41.167	-3300
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	36.100	35.800	35.600	35.900	36.033	-938
Lâm Hà (xôvối)	36.300	36.000	35.800	36.000	36.200	-821
Đà Lạt (xôchè)	44.667	43.667	42.667	43.167	43.167	-3367
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.800	35.450	35.400	35.700	35.850	-910
Đắk R'lấp (xôvối)	35.833	35.633	35.433	35.633	35.933	-865
Đắk Song (xôvối)	35.950	35.750	35.550	35.750	36.050	-865
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	36.200	35.800	35.250	36.000	36.250	-1025
Đắk R'lấp (xôvối)	36.167	35.967	35.767	35.967	36.267	-865
Đắk Song (xôvối)	36.300	36.100	35.900	36.050	36.400	-875



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	35.900	35.633	35.433	35.733	36.000	-702
Pleiku (xôvối)	36.000	35.733	35.467	35.900	36.100	-643
<i>Giá công ty</i>						
ChưPưh (xôvối)	36.000	35.733	35.533	35.850	36.100	-698
Pleiku (xôvối)	36.100	35.850	35.567	35.867	36.200	-671
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.789	35.478	35.244	35.511	35.617	-825
Đắk Hà (xôvối)	35.892	35.642	35.453	35.652	35.881	-831
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	36.256	35.956	35.733	36.000	35.978	-884
Đắk Hà (xôvối)	36.194	35.941	35.705	35.919	36.155	-861

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn